

Số: ...151.../QĐCN-VICB-SP

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Cấp chứng chỉ chứng nhận sản phẩm

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 23 tháng 05 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định về chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ kiến nghị cấp chứng chỉ đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10A

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chứng nhận sản phẩm : **Thuốc Bảo vệ thực vật** (Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Của: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm gia công, đóng gói: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ thực vật (Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư Số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Điều 2: Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 01 năm 2015 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần.

Nơi nhận:

- Như Điều 1
- Lưu CD

TỔNG GIÁM ĐỐC



TS. Phạm Văn Thành



PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN CERTIFICATION SCHEDULE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 151/QĐCN-VICB-SP ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)

(Issued together with Decision No 151/QĐCN-VICB-SP dated 19 January, 2015
By the General Director of VinaCert-Control, JSC)

09 sản phẩm thuốc Bảo vệ thực vật
của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn

Địa chỉ : Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước,
Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

được chứng nhận phù hợp với các Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục
bảo vệ thực vật như sau :

The 09 Pesticides of SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY
Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh
City, Vietnam

Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward, Nha Be
District, Ho Chi Minh City, Vietnam

was certified for compliance with national technical regulation as follows:

STT	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn cơ sở Enterprise Standard	Tiêu chuẩn chứng nhận Technical Standards	Số chứng chỉ Certificate No.
1.	Thuốc trừ sâu SAGO-SUPER 3 GR/ Insecticide SAGO-SUPER 3 GR	TCCS 06:2014/BVTV-SG	TCCS 135:2014/BVTV	VICB 1570.10-41
2.	Thuốc trừ sâu DIAPHOS 10 GR/ Insecticide DIAPHOS 10 GR	TCCS 13:2014/BVTV-SG	TCVN 9483:2012	VICB 1570.10-43
3.	Thuốc trừ sâu SAGOMETRO 50 WG/ Insecticide SAGOMETRO 50 WG	TCCS 22:2014/BVTV-SG	TCCS 13:2010/BVTV	VICB 1570.10-48
4.	Thuốc trừ sâu SCHEZGOLD 500 WG/ Insecticide SCHEZGOLD 500 WG	TCCS 24:2014/BVTV-SG	TCCS 13:2010/BVTV	VICB 1570.10-50
5.	Thuốc trừ cỏ BETO 14 WP/ Herbicide BETO 14 WP	TCCS 50:2014/BVTV-SG	TCCS 135:2014/BVTV	VICB 1570.10-64

6.	Thuốc trừ cỏ BUTOXIM 5 GR/ Herbicide BUTOXIM 5 GR	TCCS 54:2014/BVTV-SG	TCCS 08:2006	VICB 1570.10-67
7.	Thuốc trừ cỏ LYPHOXIM 16 SL/ Herbicide LYPHOXIM 16 SL	TCCS 70:2014/BVTV-SG	TCCS 01:2009/BVTV	VICB 1570.10-77
8.	Thuốc trừ ốc DIOTO 830 WG/ Molluscicide DIOTO 830 WG	TCCS 83:2014/BVTV-SG	TCCS 135:2014/BVTV	VICB 1570.10-83
9.	Thuốc trừ ốc BOSAGO 12 AB/ Molluscicide BOSAGO 12 AB	TCCS 84:2014/BVTV-SG	TC 09/CL:2004	VICB 1570.10-84

C.T.C.P. ION